



LUIGI PIRANDELLO

NGÔI NHÀ CÓ MA

Nhà xuất bản Kinh Thi

NGÔI NHÀ CÓ MA



Tác giả: Luigi Pirandello
Dịch giả: Nguyễn Siêu Việt
Nhà xuất bản Kinh Thi
Nguồn: Gacsach.com
Biên tập: V.C

TÁC GIẢ



Luigi Pirandello (1867 - 1936), sinh tại Agrigento, Sicile (Italia) là nhà văn, nhà viết kịch nổi tiếng, tiêu biểu của Italia đầu thế kỉ XX. Ông được trao giải Nobel Văn học 1934 vì những tìm tòi táo bạo và thành công trong nghệ thuật ngôn từ và sân khấu - mà đặc biệt nổi bật nhất, như nhiều nhà phê bình nhận xét, là khả năng kì diệu biết làm "một phân tích tâm lí thành một vở kịch hay".

Luigi Pirandello là con thứ hai trong số sáu người con của một gia đình tư sản chủ mỏ lưu huỳnh. Tài năng văn học của ông thể hiện khá sớm. Khi còn học phổ thông, L. Pirandello đã làm thơ và viết một vở bi kịch có nhan đề Barbaro (về sau bị thất lạc). Năm 1887, ông vào học ngành ngữ văn ở Đại học Palermo và Roma. Không hài lòng với trình độ giảng dạy ở đây, ông chuyển sang Bonn học và nhận chứng chỉ tốt nghiệp vào năm 1891.

Năm 1889, ông xuất bản tập thơ đầu tiên "Nỗi đau sung sướng" . Trở về Roma năm 1892, L. Pirandello cộng tác với các tạp chí văn học và công bố nhiều tập thơ, trong đó có "Những bi ca trên sông Rhein".

Năm 1894 ông kết hôn với Maria Antonietta Portulano. Năm 1898 ông bắt đầu viết kịch và đứng ra thành lập hẳn một đoàn kịch. Từ năm 1897 đến 1922, L. Pirandello giảng dạy mỹ học và văn học ở Viện Magistere Femminile tại Roma.

Năm 1901 ông xuất bản tiểu thuyết đầu tiên "Người đàn bà bị ruồng bỏ". Năm 1903, gia đình phá sản vì lụt phá sập hầm mỏ, vợ mắc bệnh tâm thần nặng, nhưng ông vẫn tiếp tục sáng tác; cuốn tiểu thuyết thứ ba "Mittia Pascal quá cố" (1904) đã mang lại cho L. Pirandello thành công lớn. Từ năm 1915, ông gần như dành toàn bộ thời gian cho sáng tác kịch (trong 6 năm 1915-1921 ông viết 16 vở kịch và tất cả đều được trình diễn).

Các tác phẩm của L. Pirandello mang khuynh hướng duy thực, đi sâu vào tâm lí, miêu tả nỗi đau khổ của con người. Vở kịch "Sáu nhân vật đi tìm tác giả" viết năm 1921 thực sự tạo cú thúc quyết định cho sự phát triển của sân khấu hiện đại. Tên tuổi của L. Pirandello không chỉ được biết đến ở Italia mà ở toàn Châu Âu. Năm 1924, ông gia nhập đảng phát xít và với sự giúp đỡ của Mussolini đã sáng lập và trở thành giám đốc Nhà hát nghệ thuật quốc gia. Năm 1926, ông viết xong tiểu thuyết cuối cùng "Một, không có một và mười vạn".

Năm 1928, nhà hát của ông phải đóng cửa vì lí do tài chính. Những năm sau đó L. Pirandello đi du lịch và sống nhiều ở nước ngoài. Năm 1934 ông nhận giải Nobel và đọc một bài diễn văn ngắn, trong đó đề cao thái độ thành thực ngưỡng mộ cuộc sống của mỗi nhà văn, theo ông, đó là điều quyết định cho sự nghiệp của mỗi người.

L. Pirandello mất tại Roma; theo nguyện vọng riêng, nhà văn được chôn cất lặng lẽ tại quê nhà Sicile không nghi lễ tang điệu. Một số vở kịch và nhiều truyện ngắn của ông đã được dịch sang tiếng Việt.

• Tác Phẩm:

- Barbaro, kịch (bản thảo đã thất lạc).
- Nỗi đau sung sướng (Mal giocondo, 1889), tập thơ.
- Những bi ca trên sông Rhein (Elegie Renane, 1892), thơ.
- Tình yêu không có tình yêu (Amori senza amore, 1894), tập truyện.
- Người đàn bà bị ruồng bỏ (L"esclusa, 1901), tiểu thuyết.
- Nghĩa vụ thầy thuốc (Il dovere del medico, 1902), kịch.
- Mattia Pascal quá cố (Il fu Mattia Pascal, 1904), tiểu thuyết.
- Khoa học và nghệ thuật (Arte e scienza, 1908), tiểu luận.
- Cái hài (L"Umorismo, 1908), tiểu luận.
- Vết cắn (La morsa, 1910), kịch.
- Những quả chanh Sicilia (Lumie di Sicilia, 1911), kịch.
- Những người già và những người trẻ (I vecchi e i giovani, 1913), tiểu thuyết.
- Nếu điều đó không như thế (Se non cosi, 1915), kịch.
- Hạ gục (Sigria, 1916), tiểu thuyết.
- Vòng lục lạc (La giara, 1917), kịch.
- Liolà (1917), kịch.
- Điều đó như thế (nếu các anh thấy vậy) (Cosi è (se vi pare), 1918), kịch.
- Hãy suy nghĩ, Giacomo! (Pensaci, Giacomino, 1920), kịch.
- Theo cách tốt (Tutto per bene, 1920), kịch.
- Mỗi người theo một cách (Ciascuno a suo modo, 1924), kịch.
- Một, không có một và mười vạn (Uno, nessuno e centomila, 1926), tiểu thuyết.
- Hôm nay chúng ta ứng diễn (Questa sera si recita a soggetto, 1929), kịch.
- Anh muốn em như thế nào (Come tu mi vuoi, 1930), kịch.

- Lỗa thể (Maschere nude, 1918-1935), kịch.
- Enrico Đệ Tứ (Enrico IV, 1922), kịch.
- Những người ở trần đang mặc quần áo (Vestire gli ignudi, 1923), kịch.
- Cuộc sống ta trao cho con (La vita che ti diedi, 1924), kịch.
- Sáu nhân vật đi tìm tác giả (Sei personaggi in cerca d'autore, 1921), kịch.
- Chuyện cho một năm (Novelle per un anno, 1932-1937), tập truyện.
- Tác Phẩm Đã Dịch Ra Tiếng Việt:
 - Anh chồng của vợ tôi (tập truyện ngắn), Quỳnh Dung dịch, NXB Tác Phẩm Mới, 1989.
 - Đóm đóm của tình yêu (tập truyện ngắn), Hoàng Hải - Trần Sơn dịch, NXB Văn Học, 1998.
 - Viên ngọc gia bảo, Phạm Huy Kỳ dịch, NXB Văn Nghệ TP.HCM, 2003.
 - Những bốn phận, Trịnh Đình Hùng dịch, in trong Truyện ngắn thế giới chọn lọc (tập 2), NXB Tác Phẩm Mới, 1985.
 - Anh chồng của vợ tôi, Vũ Đình Phòng dịch, in trong Truyện ngắn chọn lọc - tác giả đoạt giải Nobel, NXB Hội Nhà Văn, 1998, 1999; Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel, NXB Hội Nhà Văn, 2004.
 - Cuộc báo thù con chó, Hoàng Hải dịch, in trong Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel, NXB Văn Học, 1997.
 - Đêm tân hôn, Quỳnh Dung dịch, in trong Tập truyện ngắn nước ngoài chọn lọc, NXB Quân Đội Nhân Dân, 1998; Tuyển tập truyện ngắn thế giới chọn lọc, NXB Văn Học, 1998; Truyện ngắn lãng mạn Italia, NXB Lao Động, 2002.
 - Vòng hoa, Hoàng Hải dịch, in trong Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel, NXB Văn Học, 1997; Tuyển tập truyện ngắn thế giới

chọn lọc, NXB Văn Học, 1998; Những chuyện tình thơ mộng, NXB Hội Nhà Văn, 2000.

— Hơi thổi, Tấm khăn choàng màu đen, Vũ Đình Phòng dịch, in trong Truyện ngắn chọn lọc - tác giả đoạt giải Nobel, NXB Hội Nhà Văn, 1998; Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel năm 2004.

— Chiến tranh, Ngô Bích Thu dịch, in trong Đôi mắt lụa, NXB Văn Học, 1998; Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel, NXB Văn Học, 1999.

— Cam chanh Xixilơ, Hoàng Hải dịch; Giải phóng vua gà, Trần Sơn - Hoàng Hải dịch; In corpore vili, Trần Sơn dịch, in trong Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel, NXB Văn Học, 1999.

— Vị Thượng đế già nua, N.T.Q.H dịch; Anh chồng của vợ tôi, Lê Sơn dịch, in trong Truyện ngắn lãng mạn Italia, NXB Lao Động, 2002.

— Chuyến viễn du, Vũ Đình Phòng dịch, in trong Truyện ngắn hay thế giới, NXB Thanh Hóa, 2004.

— Chiếc khuy áo khoác, Nữ thần sống khóa thân, Vũ Đình Phòng dịch, in trong Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel, NXB Hội Nhà Văn, 2004.

— Hãy suy nghĩ đi, Giacôminô, Quỳnh Dung dịch, in trong Tuyển tập truyện ngắn các tác giả đoạt giải Nobel, NXB Văn Học, 1997; Truyện ngắn đặc sắc các tác giả được giải thưởng Nobel, NXB Văn Học, 2004.

Sự nghiệp sáng tác của Luigi Pirandello rất rộng lớn. Với tư cách tác giả viết novella (truyện ngắn), chắc chắn không ai có thể sánh cùng ông về sức viết, thậm chí ngay ở đất nước khai sinh ra thể loại văn học này. Nếu như tập Decameron của Boccaccio gồm 100 novella thì trong tập Novelle per un anno của Pirandello (1922-37) mỗi ngày trong năm ông đều có một truyện. Chúng hết sức đa dạng về chủ đề cũng như về nhân vật: lối mô tả cuộc sống của ông khi thì thuần túy hiện thực, khi thì mang ý nghĩa triết lý uyên thâm hoặc chứa đựng đầy nghịch lý, và thường được thể hiện bằng một ngòi bút châm biếm hay trào phúng. Đồng thời ông cũng có nhiều sáng

tạo trong lối viết đầy sức tưởng tượng giàu chất thơ mà ở đó yêu cầu về hiện thực nhường chỗ cho lí tưởng và chân lí sáng tạo.

Nét chung trong tất cả những novella này là tính ngẫu hứng không cần dụng công, nên chúng tràn trề tính tự nhiên, nhiệt huyết và sức sống. Song, vì khuôn khổ hạn chế của novellas đòi hỏi một kết cấu đặc biệt chặt chẽ, chúng ta cũng thấy được hậu hiệu quả của sự ngẫu hứng. Trong khi nóng lòng xử lí các chủ đề sáng tạo, Pirandello có thể đánh mất sự kiểm soát, không còn bận tâm đến ấn tượng chung nữa. Mặc dù novellas của Pirandello rất độc đáo, chúng khó lòng thể hiện được hết được nghệ thuật hoàn thiện của ông. Điều này thật hiển nhiên nếu ta lưu ý rằng nhiều chủ đề sẽ được sử dụng cho các tác phẩm sân khấu của ông sau này.

Tiểu thuyết cũng không phải là đỉnh cao trong thành tựu văn học của ông. Mặc dù các tiểu thuyết ở giai đoạn đầu cũng thấm nhuần những ý tưởng mà với chúng ông đã góp phần cống hiến vô cùng độc đáo của mình cho sân khấu hiện đại, những hình thức hoàn thiện nhất của các ý tưởng đó, ông chỉ dành cho sân khấu..

Trong khuôn khổ cho phép của một bài đánh giá sơ lược ở đây, chúng ta chỉ có thể đề cập đến một trong nhiều quyển tiểu thuyết mà ở đó một đặc trưng riêng biệt trong quan niệm của ông về thời đại chúng ta, nỗi khiếp sợ và ghê tởm của ông đối với chủ nghĩa vật chất đang làm cơ giới hóa cuộc sống chúng ta, được ông thể hiện một cách mãnh liệt nhất. Tiểu thuyết *Sigira* (1916) (*Bấm máy*), tiêu đề được đặt theo một thuật ngữ của ngành điện ảnh, "Bấm máy lần một", hiệu lệnh để thông báo cho các diễn viên biết rằng cảnh quay bắt đầu. Người kể chuyện là người "Bấm máy", tức người quay phim trong một xưởng phim lớn. Anh ta tìm thấy một ý nghĩa đặc biệt trong nghề của mình. Với anh ta, cuộc sống cùng với tất cả cái xấu và cái tốt của nó được qui về vật liệu của những hình ảnh được sản xuất một cách máy móc cho những khoảng thời gian tiêu khiển; ngoài ra, nó không còn mục đích nào khác.

Máy quay phim trở thành con quái vật nuốt chửng mọi thứ và trải nó ra trong cuộn phim, bằng cách đó đưa ra một diện mạo bên ngoài của hiện

thực, một diện mạo mà về cơ bản là cái chết của tinh thần, sự trống rỗng của tâm hồn. Sự tồn tại của chúng ta hiện nay lập đi lập lại và vận hành cũng với tốc độ vô hồn như thế, nó hoàn toàn máy móc, như đã bị tàn phá, bị huỷ diệt. Thái độ của tác giả được diễn tả hết sức mạnh mẽ. Chỉ riêng cốt truyện đã có sức công phá thật ghê gớm.

Đó là nét chung về những vở kịch của Pirandello, hầu hết được giới hạn xung quanh những vấn đề tâm lí thuần túy. Nỗi đả độn cay của kỉ nguyên hiện tại đã ảnh hưởng rất nhiều đến những triết lí bi quan trong các vở kịch, ngay cả khi những triết lí này dựa vào bản tính tự nhiên của tác giả.

Maschere Nude (1918 -21) là tiêu đề mà ông đặt cho tuyển tập kịch của mình, rất khó dịch bởi tính đa nghĩa của nó. Theo nghĩa đen, ta có thể dịch là "Những chiếc mặt nạ trần trụi", nhưng "mặt nạ" thường chỉ biểu thị bề mặt. Còn trong trường hợp này, từ này được sử dụng để chỉ việc cải trang, che giấu kẻ này trước kẻ khác và trước chính bản thân mình, sự cải trang mà với Pirandello có ý nghĩa là dạng thức bề mặt với một bản ngã khôn dò ẩn sau nó. Những chiếc mặt nạ "trùm kín", bị phân tích và tiêu hủy bởi sự sáng rõ thấu suốt: Trong kịch của ông, đó chính là sự lột tả chân dung của nhân loại - con người bị lột mặt nạ. Tiêu đề của ông hàm nghĩa như thế.

Đặc điểm nổi bật nhất trong nghệ thuật của Pirandello là sức mạnh gần như thần kì của ông trong việc biến những phân tích tâm lý thành những vở kịch tuyệt vời. Thường thì sân khấu đòi hỏi có những mẫu người. ở đây thì tinh thần giống như một cái bóng, tối tăm ẩn sau tối tăm, và không ai dám quả quyết ở bên trong cái gì gần với cốt lõi hơn. Rốt cuộc thì có vất óc ra người ta cũng chẳng rõ, bởi thực ra chẳng có gì là cốt lõi cả.

Mọi thứ đều tương đối, chẳng có gì ta có thể nắm bắt tuyệt đối, thế nhưng các vở kịch đôi khi lại có thể thu hút, làm mê hoặc và quyến rũ thậm chí đông đảo công chúng khắp nơi trên thế giới. Kết quả này hoàn toàn là một nghịch lí. Vì, theo chính tác giả giải thích, nó phụ thuộc vào thực tế là tác phẩm của ông "sinh ra từ những hình ảnh của cuộc sống đã được đi qua một bộ lọc ý tưởng và hoàn toàn nắm giữ, chiếm ngự". Cơ sở của các vở

kịch chính là hình ảnh, chứ không phải, như một số người nghĩ, là ý tưởng trừu tượng được nguy trang bằng hình ảnh.

Có người nói Pirandello chỉ có một tư tưởng “duy nhất”, đó là bản chất ảo tưởng của nhân vật, của cái Tôi. Lời nhận định này có thể dễ dàng kiểm chứng. Quả thực, tác giả bị ám ảnh bởi tư tưởng đó. Tuy vậy, thậm chí dù tư tưởng này được mở rộng tới cả tính tương đối của tất cả những gì mà con người tin mình nhìn thấy và thấu hiểu, nhận xét trên vẫn không công bằng.

Trước hết, nghệ thuật kịch của Pirandello không phá vỡ những khuynh hướng văn chương chung. Ông xử lí những vấn đề xã hội và đạo đức, sự xung đột giữa quan hệ cha mẹ và cấu trúc xã hội với những quan điểm cứng nhắc về danh dự và khuôn phép, những khó khăn khi cái thiện của con người phải tự bảo vệ chống lại cái ác đối nghịch trong chính con người. Tất cả những điều này được thể hiện trong những tình huống phức tạp cả về đạo lí lẫn lôgic, và kết thúc thì lúc thành lúc bại. Những vấn đề này có sự song hành tự nhiên trong việc phân tích cái “Tôi” của các nhân vật, những kẻ cũng có tính tương đối chẳng khác gì các tư tưởng mà họ đang tranh đấu chống lại.

Trong một số vở kịch của ông, chính cách nhìn của kẻ khác về một nhân vật và hậu quả của chúng trở thành chủ đề chính của tác phẩm. Kẻ khác chỉ biết về chúng ta như chúng ta biết về họ: bao giờ cũng không hoàn chỉnh; thế mà, chúng ta lại đưa ra những đánh giá chung quyết. Chính dưới áp lực của dư luận những lời đánh giá này, lương tâm của một con người có thể bị thay đổi. Trong tác phẩm Tutto per bene (1920) (Tất cả cho những điều tốt đẹp), diễn biến tâm lí này được dẫn tới kết cục của nó.

Trong tác phẩm Vestire gli ignudi (1923) (Vận trang phục cho kẻ trần truồng), mô típ này bị đảo ngược và mang một tính chất bi kịch xúc động. Một cuộc đời bị đánh mất, một cái Tôi không còn tìm thấy gì trong chính bản thân mình, muốn tìm đến cái chết, song, hoàn toàn quay lưng với thế giới bên ngoài, lại có một ước nguyện thống thiết cuối cùng là có được một tấm vải liệm tử tế trong ý nghĩ tốt đẹp của những người khác về sự tồn tại

của mình. Trong vở kịch hấp dẫn này, ngay cả sự nói dối, bằng nỗi thống khổ của nó, cũng có vẻ như một kiểu ngây thơ.

Nhưng tác giả không dừng ở đó. Một vài vở kịch của ông đề cập đến sự dối trá trong cái thế giới tương đối này và đánh giá, với một lôgic thấu suốt, những mức độ tội ác của sự dối trá đó. Trong *La vita che ti diedi* (1924) (*Cuộc sống tặng con*), quyền về những điều không thực được biểu hiện bằng một hình thức lớn lao và đẹp đẽ. Một người đàn bà, vừa mất đứa con trai duy nhất, không còn gì có thể níu kéo bà lại cuộc đời này nữa. Thế nhưng một trận cuồng phong đã thức tỉnh trong bà sức mạnh xưa tan cái chết như ánh sáng xưa tan màn đêm.

Tất cả trở nên những ảo ảnh; bà cảm thấy không chỉ bản thân mình mà là tất cả những gì hiện hữu chỉ là sản phẩm mộng ảo mà thôi. Sâu thăm trong tim mình, bà gìn giữ những kỉ niệm và những giấc mơ, và giờ đây những kỉ niệm và những giấc mơ hoá ra mạnh hơn tất cả. Đứa con trai đã được bà ban cho sự sống, đứa con luôn luôn ngự trị trong tâm hồn bà, vẫn luôn luôn ngự trị ở đó. Không có một khoảng trống nào, kí ức về người con trai không thể xoá nhoà. Anh vẫn mãi tồn tại trong bà, dưới dạng thức mà bà không thể nắm bắt được. Bà cảm thấy anh cũng một cách sâu sắc như cảm thấy bất cứ cái gì khác. Như vậy, tính tương đối của chân lí mang hình hài của một bí ẩn giản dị và cao cả.

Tính tương đối này cũng xuất hiện như một bí ẩn trong *Così é se vipare* (1918) (*Cho như thế thì sẽ là như thế*). Vở kịch được gọi là một truyện ngụ ngôn, nghĩa là ta sẽ không kì vọng cốt truyện lạ lùng của nó xảy ra trong thực tế. Câu chuyện cường điệu và được xếp đặt một cách tài tình mang trong nó những điều hết sức uyên thâm. Các tình huống của một gia đình mới đến định cư ở một tỉnh lỵ trở nên không thể chịu được đối với những cư dân của thị trấn. Trong số ba thành viên của gia đình, người chồng, người vợ và bà mẹ vợ, người chồng hoặc bà mẹ vợ, mỗi người đều có lí riêng, phải được xem như bị ám ảnh bởi những ý tưởng phi lí về tính cách người vợ.

Người nói lời cuối cùng luôn là người có tiếng nói quyết định về vấn đề, nhưng sự so sánh những tuyên bố mâu thuẫn luôn để ngỏ cho sự ngờ vực. Những câu hỏi và sự đối lập của hai nhân vật được miêu tả với kịch tính cao độ và một sự hiểu biết tinh tế về những căn bệnh tinh vi nhất của tâm hồn. Người vợ lẽ ra có thể tìm được câu trả lời, nhưng khi xuất hiện, cô giống như một nữ thần trí tuệ và nói năng bí hiểm; đối với mỗi người khác, cô thể hiện cái [nhân cách] mà cô phải là, để người đó tiếp tục lưu giữ hình ảnh [của riêng người đó] về cô. Trên thực tế, cô là biểu tượng của chân lí mà không ai có thể nắm bắt trọn vẹn.

Vở kịch cũng là một sự chiêm biếm sâu cay về tính tò mò cũng như sự thông thái rờm của con người; trong đó Pirandello đưa ra một bản liệt kê những hình mẫu và vạch trần tính tự phụ sâu sắc, ít nhiều hoặc hoàn toàn lỗ bịch, ở những kẻ cố công phát hiện chân lí. Toàn bộ vở kịch xứng đáng là một kiệt tác.

Tuy nhiên, vấn đề trung tâm trong sự nghiệp sáng tác kịch của tác giả là phân tích cái Tôi - sự hoà tan của nó vào các yếu tố trái ngược, sự phủ nhận tính thống nhất đầy ảo tưởng của nó, và sự mô tả mang tính biểu tượng trong *Maschere nude*. Nhờ đầu óc sáng tạo không cạn kiệt, Pirandello tấn công vấn đề từ rất nhiều phía khác nhau, một số vấn đề đã được đề cập tới ở đoạn trên.

Bằng cách lắng nghe thanh âm sâu xa của sự điên rồ, ông đã có những phát hiện quan trọng. Trong vở bi kịch *Enrico IV* (1922) (*Henry IV*), ấn tượng mạnh mẽ nhất là từ cuộc đấu tranh của nhân vật để tìm ra bản ngã trong dòng chảy bất tận của thời gian. Trong *Il giuoco delle parti* (1919) (*Luật chơi*), Pirandello đã sáng tạo một vở kịch thuần túy trừu tượng: ông sử dụng những ý niệm nhân tạo về bốn phạm - mà mọi thành viên trong xã hội đều chịu chi phối do áp lực của truyền thống - với logic quyết đoán cho một hành động hoàn toàn trái dự đoán. Giống như khi chiếc gậy thần được vung lên, trò chơi trừu tượng sẽ lấp đầy sân khấu với một sự sống cực kì quyến rũ.

Sei personaggi in cerca d'autore (1921) (Sáu nhân vật đi tìm tác giả) là một trò chơi tương tự như trò chơi được mô tả ở trên, nhưng đồng thời lại rất khác; nó vừa rất nghiêm túc, sâu sắc vừa đầy hàm ý. Cái thống trị ở đây là trí tưởng tượng sáng tạo không giới hạn chứ không phải là tính trừu tượng. Nó thực sự là một vở kịch của sáng tạo thơ; nó cũng là sự hòa giải giữa sân khấu và sự thật, giữa ngoại hiện và thực tại.

Hơn nữa, nó còn là một thông điệp nửa thất vọng của nghệ thuật gửi đến tâm hồn của một thời đại bị tàn phá, của những cảnh phiến đoạn đầy căm giận và dễ bùng nổ. Cơ lữ của cảm xúc dữ dội và trí tuệ siêu việt, rất giàu chất thơ này, thực sự là nguồn cảm hứng của thiên tài. Sự thành công của vở kịch ở khắp nơi trên thế giới, điều chứng tỏ rằng nó được đồng cảm ở một mức độ nào đó, nhưng đây là điều hết sức khác thường, chẳng khác gì chính bản thân vở kịch. Không cần thiết và cũng không có đủ thời gian lúc này để nhắc lại những chi tiết kì diệu khiến người xem sửng sốt.

Tâm lí hoài nghi mà Pirandello đã dựa vào để xây dựng những tác phẩm xuất sắc của mình thực sự là tiêu cực. Nếu nó được đông đảo công chúng đón nhận một cách cả tin, giống như khi người ta cả tin tiếp nhận những tư tưởng mới và táo bạo, thì nó cũng kéo theo một số nguy cơ. Nhưng điều này sẽ không xảy ra. Nó tự áp dụng cho một địa giới thuần túy tri thức và công chúng đông đảo hiếm khi đi theo nó tới địa giới đó. Nếu tình cờ, một ai đó bị thuyết phục rằng cái Tôi của y chỉ là một sự hư ảo, y sẽ nhanh chóng tin chắc rằng trên thực tế cái Tôi ở một mức độ nào đó vẫn là hiện thực. Cũng như tính tự do của ý chí, dầu không thể chứng minh, vẫn không ngừng có thể thấy rõ qua trải nghiệm, cái Tôi sẽ tìm ra cách để buộc người ta nhớ đến nó. Những cách đó thô thiển hoặc tinh tế. Nhưng có lẽ cách tinh tế nhất hàm chứa trong chính năng lực của tư tưởng; cái tư tưởng mà, bên cạnh những tư tưởng khác, muốn huỷ diệt cái “Tôi”.

Nhưng công trình phân tích của nhà văn xuất chúng này vẫn giữ nguyên giá trị, đặc biệt nếu so sánh với những tác phẩm khác thời nay. Phân tích tâm lí đem đến cho chúng ta những hệ thống phức hợp, tạo nên sự thú vị và niềm vui to lớn. Chúng thậm chí được tôn kính như những vật

thờ bởi những đầu óc rõ ràng là sùng đạo. Sự tôn sùng ấu trĩ! Đối với một người có trí tưởng tượng về hình ảnh, chúng giống như tảo biển luẩn quẩn trong lòng nước. Lũ cá nhỏ lượn lờ quanh những đám tảo này và suy ngẫm, cho đến khi rớt cuộc đầu óc chúng sáng ra, chúng sẽ lặn vào trong đó và biến mất. Chủ nghĩa hoài nghi của Pirandello bảo vệ chúng ta khỏi những cuộc phiêu lưu như vậy. Hơn thế nữa, ông có thể giúp đỡ chúng ta. Ông cảnh báo chúng ta không nên chạm đến lớp mô tinh tế của tâm hồn con người theo lối giáo điều thô thiển và mù quáng.

Là một nhà đạo đức, Pirandello không mâu thuẫn mà cũng không tiêu cực. Thiện vẫn thiện, và ác vẫn ác. Một nhân loại cao quý quý kiêu cổ điển ngự trị ý tưởng của ông về thế giới con người. Sự bi quan cay đắng không thể dập tắt chủ nghĩa lí tưởng trong ông. Khả năng phân tích sâu sắc không thể cắt lìa cội rễ của cuộc sống. Trong thế giới tưởng tượng của ông, hạnh phúc không nhiều, nhưng vẫn có đủ bầu không khí để thở cho những gì đem lại phẩm giá cho đời.

«Thưa tiến sĩ Pirandello, nhiệm vụ của tôi, nhiệm vụ trình bày một cách ngắn gọn, súc tích sự nghiệp văn học sâu sắc của Ngài, thật là khó khăn. Mặc dù một phác thảo ngắn gọn dạng đó là không tương xứng, nhưng tôi đã thực hiện trọng trách của mình với niềm vui sướng lớn lao.

Xin cho phép tôi được mời Ngài lên nhận từ tay Đức Vua giải thưởng Nobel Văn học mà Viện Hàn lâm Thụy Điển thấy rằng Ngài xứng đáng được nhận».

(Vũ Thị Vân Anh và Tân Đôn dịch)

NGÔI NHÀ CÓ MA



*L*oài chuột nhắt chẳng bao giờ ý thức được cái bẫy khi chúng lọt vào.

Liệu có bao giờ chúng sa bẫy nếu chúng biết là người ta đã giăng sẵn một cái chờ chúng hay không? Và ngay cả khi chúng bị mắc bẫy rồi mà dường như chúng cũng không hiểu nổi chúng đang ở đâu và vẫn tiếp tục giãy giụa, điên cuồng, thò cái mõm nhỏ xíu đầy râu ria của chúng ra khỏi những cái then sắt, kêu chít chít chói tai trong một cố gắng tuyệt vọng hòng kiếm đường tẩu thoát.

Trái lại, khi con người bắt đầu tranh tụng, hẳn hiểu rất rõ rằng hẳn đang bước vào một cái bẫy sập. Nhưng trong khi con chuột tranh đấu thì con người lại bất động - dĩ nhiên chỉ thân thể bất động mà thôi; bên trong - nghĩa là tinh thần - hẳn hành xử giống hệt con chuột nhắt, nếu không tệ hơn thế.

Quả thực đó là điều đang xảy ra với cái đám thân chủ kia, người đầm đìa mồ hôi và bị ăn tươi nuốt sống bởi bầy ruồi nhặng và nỗi buồn chán, đang ngồi vào buổi sáng oi nồng ấy trong phòng đợi của luật sư Zummo, chờ đến phiên mình tham vấn ông ta.

Không người nào rời khỏi ghế ngồi, nhưng những cái nhìn đầy hờn căm sôi sục họ trao đổi với nhau khiến người ta không còn hồ nghi gì về tâm tư họ. Người nào cũng muốn độc quyền giành luật sư cho riêng mình, và người nào cũng cảm thấy rằng, với bao nhiêu là thân chủ thế kia để phải thẩm vấn thì thời giờ dành cho tất cả bọn họ có được bao năm. Và lại, với cái đám đông lúc nhúc kia phải đương đầu, với cái nóng khiếp đảm 90 độ F trong bóng rợp này, với biết bao nhiêu điểm dị biệt phải tranh luận, liệu tâm trí luật sư có còn sáng suốt như vụ kiện đòi hỏi chẳng?

Mỗi lần viên thư ký đang ngồi ở bàn ghi ghi chép chép với một tốc độ điên cuồng, liếc nhìn cái đồng hồ lớn trên tường, thì vài ba thân chủ lại buồn bã thở dài, trong khi những người khác, mệt lả vì hơi nóng và sự chờ đợi đặng đặng, vẫn cứ dán mắt vào những kệ sách bụi bặm chồng chất giấy tờ pháp lý - tai họa và sự tán gia bại sản của biết bao nhiêu gia đình bất hạnh. Những người khác nữa, cố gắng tỏ ra lãnh đạm thờ ơ hờ hững thản nhiên, nhòm qua những tấm màn che cửa sổ màu xanh ngoài đường phố nơi người ta đi lại vui vẻ và vô tư lự trong khi đó thì họ lại... Phì! - và với một cử chỉ giận dữ họ điên tiết gạt phăng những con ruồi mà hơi nóng và mồ hôi đầm đề đã làm cho chúng trở nên man dại và hăng máu hơn bao giờ.

Nhưng lợn xộn hơn cả bầy ruồi là đám con trai nhỏ của luật sư, một thằng nhóc lên mười, chân đi đất, đầu bù tóc rối, hiển nhiên vừa từ căn nhà kế cận chạy qua để làm vui cho thân chủ của papa.

“Tên em là gì?” “Cái hộp nhỏ đeo ở cổ đó là cái gì vậy?” “Làm sao mở nó?” “Ở trong đó có gì vậy?” “Một lợn tóc à?” “Tóc của ai thế?” “Tại sao em lại giữ nó?”

Thế rồi, vừa nghe thấy tiếng papa đang tiến lại gần cửa để tiễn một người khách quan trọng nào đó, thằng bé vội chui tọt xuống gầm bàn, trốn sau chân người thư ký.

Mọi người trong phòng đợi đều tất bật đứng dậy, mỗi thân chủ đều khẩn khoản nhìn luật sư, ông này vừa giơ cả hai tay lên vừa nói:

— Kiên nhẫn, các bạn, từng người một.

Người may mắn thì khúm núm đi theo, khép cửa phòng lại trong khi những người khác lại ngồi xuống trong sự chờ đợi cáu kỉnh và ngọt ngào.

Riêng có ba thân chủ, có vẻ là chồng, vợ và con gái, lại không tỏ một dấu hiệu nóng ruột nào cả. Người chồng - một người trạc độ sáu mươi - có một vẻ mặt u buồn, gần như tang tóc. Ông ta khăng khăng không chịu bỏ cái mũ rộng vành nhả nhúm, màu xanh lợt mà chắc ông ta coi như một thứ phụ tùng thích hợp nhất cho cái áo choàng nặng nề, cổ lỗ nông mùi băng

phiến. Rõ ràng là cái áo đó đã được kính cẩn chọn lựa cho dịp trọng đại này, một cuộc hội kiến chính thức với một luật sư.

Ấy thế mà ông ta không vã mồ hôi.

Da dẻ cực kỳ xanh xao, trông ông ta gần như không có tí máu huyết nào cả, cằm và má phủ một lớp lông móc meo xam xám mỏng. Cặp mắt xám nhạt của ông ta, trở ra sát gần một cái mũi to tướng, có một cái nhìn le lé, và, cúi khòm trên ghế, với cái đầu ủ rũ và hai bàn tay vịn trên một cây gậy, trông ông ta hầu như đang bị đè bẹp bởi một sức nặng cơ hồ không chịu nổi nào đó. Ngồi bên cạnh ông ta, với một sự thách thức toát ra từ sự ngu si rành rành, là vợ.

Mạnh mẽ và phì nộn, với một bộ ngực đầy đà, vợ dường như không thể rời khỏi trần nhà với cặp mắt hạt huyền xinh đẹp đắm đắm nhìn từ khuôn mặt đỏ au hơi râu ria của vợ.

Kế bên vợ là cô con gái của họ - gầy, xanh và lé như cha - gần như tàn tật. Ngắm cả bộ ba, người ta gần như có cảm tưởng rằng, có lẽ chỉ nhờ có sự hiện diện của vợ đàn bà đầy đà mạnh mẽ kia giữa người cha và cô con gái mới có thể đỡ được họ khỏi đổ nhào xuống đất.

Bộ ba đã gọi sự tò mò chăm chú của những thân chủ khác, bởi ba lần những kẻ tội nghiệp kia đã nhường cho những người mới tới lượt của họ, viện cố rằng vụ của họ quan trọng lắm, nó đòi hỏi một cuộc hội kiến rất lâu với luật sư.

Chuyện gì đã xảy ra cho họ? Kẻ nào đang đe dọa họ? Có lẽ một cuộc trả thù hay một vụ sát nhân? Có lẽ sự khánh tận tài chính? Không, không thể là sự kiệt quệ tài chính. Người vợ đeo đầy ắp những vàng là vàng; đôi bông tai lớn lủng lẳng từ trái tai vợ; một sợi dây chuyền hai vòng siết cổ vợ muốn tắt thở; một cái hộp vàng lớn phập phồng trên ngực vợ: một sợi dây vàng cột cái quạt của vợ cho khỏi rơi, và những chiếc cà rá mắc tiền phủ đầy những ngón tay chuối mắn của vợ. Vậy thì cái gì đã điệu họ đến đó để tham vấn luật sư Zummo?

Nhấn nha tất cả mọi thân chủ đều được luật sư tiếp kiến, nhưng bộ ba vẫn ù lì ngồi đó - bất động và bất cảm - chìm đắm trong những suy tư riêng của họ. Chỉ thỉnh thoảng người vợ mới phe phẩy cái quạt hoặc người đàn ông mới nghiêng qua cô con nhắc nhở.

— Tinina... hãy nhớ cái dê (đệm lót ngón tay để may vá).

Một vài thân chủ đã hết sức cố gắng đẩy thẳng nhóc con luật sư về phía bộ ba, nhưng ngay cả đứa trẻ - kinh hãi vì những bộ mặt đưa đám ấy - cũng không có gì để làm với họ.

Và khi - vào khoảng giữa ngọ - mọi thân chủ đã ra về hết rồi ấy thế mà bộ ba vẫn còn ngồi ì ra đó, bất động và câm nín như tượng, dính chặt vào ghế ngồi.

— Kìa, bộ ngồi đó ngủ ấy à? Sao không vô đi, còn chờ chi nữa? - Người thư ký ngẩng đầu, sốt ruột kêu lên.

— Chúng ta được phép ạ? - Người đàn ông hỏi như xin lỗi trong khi cả ba đứng dậy.

— Đương nhiên là các người được phép; lẽ ra các người phải vô trước rồi mới phải.

Người thư ký trách mắng.

— Lão có biết là gần như tới giờ ăn trưa của người ta rồi không? À, mà này, lão tên gì?

Người đàn ông lúc bấy giờ mới chịu giở cái nón cao ra, bày ra đồng thời các cực hình mà món phụ tùng nặng nề đã gây ra cho lão. Từ cái sọ đỏ hồng, nghi ngút bốc hơi những sợi mồ hôi ròng ròng chảy xuống, đầm đìa phủ kín khuôn mặt không huyết sắc, tái mét của lão. Cúi gập mình về phía viên thư ký, lão thì thầm một cách trịnh trọng:

— Bấm, Piccirilli Serafino ạ.



Vị luật sư tưởng rằng công việc buổi sáng của ông ta đến đây đã mãn - đang sắp xếp lại bàn giấy và sửa soạn đi thì thành linh bị đối diện bởi ba thân chủ xa lạ.

— Các người là ai? - Ông ta hỏi một cách khó thương.

— Bẩm Piccirilli Seranno ạ, - người đàn ông nói nhẹ như thổi, vừa cúi xuống thật thấp vừa liếc nhìn hai người đàn bà đang khuyu gối chào kiểu cách như lão đã chỉ dạy họ.

— Ngồi xuống, - luật sư vừa nói vừa dăm dăm ngó những thân chủ bất thường, - nhưng phải mau gấp lên mới được, bởi người ta đang chờ tôi ăn trưa đấy.

Bộ ba ngồi dọc theo hàng một đối diện bàn giấy, kinh hãi lúnh quính. Piccirilli gượng cười nhưng mặt lão trông thật thảm hại. Hiển nhiên là lão đã quên không còn biết cười thế nào nữa.

— Ngài coi... - lão bắt đầu.

— Chúng tôi tới để hỏi... - Cô con gái xen vào.

— Chuyện không thể tin được. - Bà mẹ bỗng thốt lên, mắt dán vào trần nhà.

— Một người nói một. - Luật sư cau mày. - Tôi đã nói với các người là tôi đang vội mà? Các người cần gì tôi nào?

— Dạ chuyện như thế này, - Piccirilli vừa nói vừa nuốt ực một cái. - Chúng tôi đã nhận được trát tòa.

— Tội sát nhân, thưa ngài, tội sát nhân, - mẹ vợ ngắt lời.

— Má, xin má, - cô con gái nói, cố làm cho mẹ bình tĩnh.

Piccirilli nhìn mẹ vợ và với tất cả uy quyền mà thể chất khốn khổ của lão cho phép, lão cầu khẩn:

— Để tôi nói, Mararo.

Đoạn quay sang luật sư:

— Chúng tôi đã nhận được một cái trát của tòa. Chúng tôi bị bắt buộc phải rời căn nhà mà chúng tôi đã ở bởi vì...

— Tôi hiểu, - luật sư ngắt lời. - Lệnh tống xuất.

— Thưa ngài, không phải ạ, - Piccirilli nói như xin lỗi. - Hoàn toàn không phải thế, trái lại chính chúng tôi bỏ đi, chúng tôi bắt buộc phải ra đi mặc dầu chủ nhà không muốn thế. Bây giờ ông ấy đòi bồi thường thiệt hại vì vi phạm giao kèo và bởi vì ông ấy nói chúng tôi đã làm cho căn nhà bị tai tiếng...

— Thế nhưng bằng cách nào? - Zummo nói, mặt ông ta sa sầm lại và lần này quay sang phía bà vợ. - Các người đã rời bỏ căn nhà, các người đã làm cho căn nhà bị tai tiếng và bây giờ chủ nhà... Hãy nói cho rõ ràng nào; các người có thể nói với một luật sư như với một linh mục... Các người có dùng căn nhà để buôn bán một cái gì vô luân chẳng, thí dụ vậy?

— Chắc chắn là không, - Piccirilli vội vã đáp, đặt tréo cả hai tay lên ngực, - Không có thứ đó. Không có buôn bán một cái gì hết. Chúng tôi không phải là dân buôn bán. Quả thật vợ tôi thỉnh thoảng có cho vay vài món tiền lặt vặt... kín đáo lời lãi phải chăng...

— Tôi hiểu, - luật sư nói, - điều kiện thông thường.

— Đúng như vậy, - người đàn ông xác nhận, - điều kiện mà ngay cả nhà thờ cũng đồng ý, nhưng cái đó không ăn nhằm gì tới vụ của chúng tôi. Signor Granella - chủ nhà - nói rằng chúng tôi đã làm ô danh nhà ông bởi suốt trong ba tháng mà chúng tôi sống ở đó chúng tôi đã thấy những điều khiến tôi rùng mình mỗi lần nghĩ tới.

— Cầu Chúa quan phòng đừng để ngay cả những kẻ tội lỗi xấu xa nhất cũng đừng phải chứng kiến điều chúng tôi đã thấy, - mẹ vợ bật nói to với một tiếng thở dài lớn, đứng lên và làm dấu Thánh Giá.

— Hành hình, đúng là một sự hành hình, - cô con gái nói nhỏ.

— Hoàn toàn đúng, không có gì khác hơn sự hành hình, - ông bố nói thêm. - Không có chữ nào khác. Ròng rã suốt ba tháng chúng tôi đã là nạn nhân của một sự hành hình trong ngôi nhà đó.

— Hành hình bởi ai? - Luật sư mất kiên nhẫn hét lên.

— Bởi... bởi ma, - sau khi nín lặng một hồi lâu Piccirilli vừa thì thầm vừa nghiêng mình về phía bàn giấy và lấy tay che miệng sợ mình nói to quá. - Vâng, ma, thưa ngài.

— Bởi ai?... - Luật sư gắng hỏi, tưởng mình nghe lầm.

— Ma, ma! - Mụ vợ la lớn, khoa tay lên thách thức.

Luật sư đứng dậy sững sờ.

— Vô lý, đừng chọc cười tôi! Bị ma hành hạ! Đi ra đi! Để tôi đi ăn trưa, đừng làm mất thì giờ của tôi.

Nhưng bộ ba, nhảy nhồm ra khỏi ghế ngồi, kéo lại gần bàn giấy hơn, van xin:

— Xin đừng đi, đừng đi! Ngài không tin chúng tôi, nhưng chính mắt chúng tôi đã nhìn thấy ma, chúng tôi đã nhìn thấy chúng và nghe thấy chúng - chúng đã hành hình chúng tôi suốt ba tháng trời.

Họ cùng nói một lượt, trong một sự ồn ào hỗn loạn ghê gớm khiến luật sư càng điên tiết.

— Đủ rồi, - ông ta gầm lên, - các người là lũ điên khùng; các người phải tới một nhà chuyên môn về bệnh tâm thần, không phải một luật sư.

— Nhưng chúng tôi đã nhận được trát tòa. - Piccirilli khẩn khoản, tay lão chấp lại như cầu nguyện.

— Thế là phải lắm. - Zummo quát vào mặt lão.

— Ông khuyên chúng tôi thế à? - Mụ vợ vừa nói vừa gạt chồng con qua một bên.

— Đó là cách ông đối xử với những người cần giúp đỡ à? Ông sẽ không nói như vậy nếu ông bị hành hạ như chúng tôi đã bị hành hạ, nếu ông nhìn thấy ma như chúng tôi đã nhìn thấy chúng.

— Vậy thì thực sự là các người đã nhìn thấy ma, có phải không? - Luật sư nhạo báng.

— Dĩ nhiên là chúng tôi đã nhìn thấy chúng, - người cha xen vào. - Chính mắt tôi nhìn thấy.

— Và chính mắt tôi cũng nhìn thấy. - Cô con gái thêm.

— Phải mà, với những con mắt đó thì quá phải rồi. - Luật sư phá lên cười, chỉ vào những cặp mắt lé của họ.

— Thế còn mắt tôi thì làm sao? - Mụ vợ hét lớn, xòe bàn tay mặt đặt trên ngực và hết sức giương cặp mắt to đen của mụ ra.

— Những con mắt này ngay thẳng, lạy Chúa tôi, và đủ lớn để nhìn! Và chúng đã nhìn thấy những con ma đó cũng rõ ràng như chúng đang nhìn thấy ông bây giờ vậy.

— Chắc không, bà có chắc chắn không? - Zummo châm chọc.

— Rất chắc chắn, - người đàn bà thở dài. - Nhưng nếu ông vẫn không tin chúng tôi thì chúng tôi có thể đưa ra nhân chứng, nhiều người sẽ đến đây và nói cho ông nghe những điều mà chính mắt họ cũng đã thấy nữa...

Vị luật sư cau mày, hiển nhiên là ông ta bị kích động.

— Bà nói sao, nhân chứng à?

— Thưa ngài vâng, những người đã nhìn thấy và đã nghe thấy.

— Chẳng hạn nhìn thấy cái gì?

— Nhìn thấy những cái ghế di chuyển đây đó mà không có ai mó tới chúng cả.

— Những cái ghế?

— Thưa ngài vâng, ghế.

— Cái gì, ghế thường như cái ghế trong góc kia ấy à?

— Chính phải, một cái ghế thường, chân chông gọng lên trời, nhào lộn quanh phòng, như những thằng bé con chơi ngoài phố và rồi - biết nói thế nào đây - một cái gổ để găm kim hình trái cam của con gái tôi, lại bị liệng

thăng vào mặt chông tôi in hệt như nó bị ném đi bởi một bàn tay vô hình.Ồ! Rồi một cái tủ áo rung lên và kêu chát chúa như thể đang lên cơn và từ bên trong... từ bên trong... (mới chỉ nghĩ tới đó mà tôi đã nổi da gà)... những tràng cười rộ sắp bung ra.

— Những tràng cười rộ. - Cô con gái nói thêm.

— Những tràng cười rộ, - ông cha xác nhận. Nhưng bà vợ, không để mất thì giờ kể tiếp. - Mấy chục người hàng xóm đã nhìn thấy tất cả những cái đó và sẵn sàng chứng nhận, như tôi đã nói với ông, trong khi ba chúng tôi còn nhìn thấy và nghe thấy nhiều hơn thế nhiều.

— Tinina, cái đê. - Người cha ngắt lời.

— Dạ, - cô gái nhỏ bắt đầu lên tiếng với một tiếng thở dài. - Tôi có một cái đê khâu nhỏ bằng bạc - quà mà bà tôi cho (xin Chúa ban phước lành cho linh hồn bà!). Tôi thích cái vật nhỏ bé này kinh khủng, nhưng một hôm nó biến mất. Tôi kiếm cùng khắp nhà suốt ba ngày mà cũng không thấy đâu cả, cho đến một đêm kia, trong lúc tôi đang ngủ trong mùng...

— Cái nhà đáng ghê tởm đó còn đầy những muỗi là muỗi. - Bà mẹ xen vào.

— Và nhìn xem chúng lớn cỡ nào. - Ông cha công nhận, lắc đầu.

— Tôi nghe thấy tiếng động của một cái gì đó nhảy trên nóc mùng. - Cô con kể tiếp.

— In hệt một trái banh cao su nảy từ sàn lên, - ông cha ngắt lời, giơ tay chặn con gái. - Thế rồi thành linh một vật nhỏ bé - chính là cái đê khâu của tôi bị ném thật mạnh lên trần và rớt xuống đất - sút mẻ!

— Sút mẻ, - bà mẹ công nhận.

— Sút mẻ, - ông cha lặp lại.

— Tôi bò ra khỏi giường, run rẩy, lượm nó lên, và ngay khi tôi cúi xuống thì từ trần nhà phát ra...

— Những tràng cười rộ, cười rộ, và cười rộ... - bà mẹ kết thúc.

Vị luật sư đứng lặng một lúc, cúi đầu, tay chấp sau lưng.

— Những con ma vui nhộn! - Ông ta nói sau một lúc im lặng, tay gãi đầu, cố gắng xem xét kỹ lưỡng, đãi lọc sự thực của câu chuyện khó tin này.
- Tiếp tục, tiếp tục đi thú vị nhất đấy.

— Vui nhộn? Không vui nhộn chút nào, thưa ngài, - người đàn bà bẻ lại. - Quái quỷ, chắc ông muốn nói thế. Những con ma kéo nệm trải giường của chúng tôi liệng xuống đất, ngồi chễm chệ trên bụng chúng tôi ban đêm, vỗ vai chúng tôi, nắm cánh tay chúng tôi, xô lay đồ đạc bàn ghế của chúng tôi, rung chuông như thể động đất đang xảy ra, đầu độc thức ăn của chúng tôi, ném tro than vào xoong chảo của chúng tôi, thế mà ngài cho là vui nhộn à. Ngay cả vị linh mục với nước thánh cũng không thể ngăn nổi chúng, thế mà khi chúng tôi nói với Granella ngài có biết ông ta đã trơ tráo trả lời sao không? - Chuyện bá láp, cứ ăn no ngủ kĩ và chữa trị thần kinh của các người đi.

— Chúng tôi năn nỉ ông ta tới và nhìn tận mắt nhưng ông ta không chịu. Đã thế, ông ta còn dọa chúng tôi. - Ăn nói phải giữ mồm giữ miệng nếu không ta sẽ kết liễu cuộc đời của các người, chính miệng ông ta nói thế đấy.

— Và ông ta đã kết liễu đời chúng tôi, - người chồng kết luận một cách chua chát. - Giờ đây, thưa ngài, tính mệnh chúng tôi là ở trong tay ngài. Ngài có thể tin chúng tôi. Chúng tôi là những người khả kính, và chúng tôi biết sẽ phải đền đáp ngài thế nào.

Vị luật sư, như thường lệ, giả dờ không để ý tới câu cuối cùng. Trong một lúc khá lâu ông ta đứng lặng bên bàn giấy, kéo râu mép, chìm đắm trong tư tưởng. Đoạn ông ta nhìn đồng hồ. Gần một giờ. Thân nhân của ông đã chờ ông ngót một tiếng đồng hồ rồi và bữa ăn trưa của ông đã quá giờ từ lâu.

— Đây là một vụ quái dị, - cuối cùng ông nói. - Chắc các người cũng biết rõ rằng tôi không thể chấp nhận câu chuyện ma quỷ của các người được, cùng lắm tất cả những gì mà các người kể có thể chỉ là tưởng tượng... chuyện ngồi lê đôi mách tầm phào... nhưng tôi sẽ cân nhắc khía cạnh pháp lý của vấn đề. Các người nói các người đã thấy... hừm! Tôi không thích

danh từ ma... các người đã thấy một cái gì đó... ta sẽ nói sau. Và các người có nhân chứng để chứng minh rằng các người không thể tiếp tục sống trong ngôi nhà đó vì... à... vì một thứ... chúng ta sẽ nói tới... ừ... à... hành hình kỳ dị... tôi phải công nhận vụ này mới lạ và hào hứng. Tôi có thể cảm thấy có khuynh hướng muốn đảm nhận vụ này... có lẽ sẽ có thể tìm thấy một vài chứng lý tranh biện thuận lợi cho các người. Để tôi suy nghĩ trước khi tôi quyết định. Bây giờ thì đã hơi trễ rồi, nhưng nếu các người trở lại ngày mai ta sẽ cho các người biết ta có thể làm gì cho các người!

Gần như vô ý thức, ý nghĩ về vụ kiện lạ lùng này cứ xoay tới xoay lui trong tâm trí viên luật sư tựa một cái cối xay gió. Trong bữa ăn trưa ông không thể ăn; sau bữa trưa - khi ông nằm trên giường để ngủ trưa như ông vẫn thường làm trong suốt những tháng hè - ông cũng không ngủ nổi. - Ma - ông tự nhủ với một tiếng cười khẩy khinh bỉ, trong khi hình ảnh của ba bộ mặt hài hước đã thề sống thề chết là đã nhìn thấy ma vụt trở lại tâm trí ông.

Rất nhiều lần khi ông còn thơ ông đã được nghe kể nhiều chuyện về ma, những chuyện khiến ông kinh hoàng và đã khiến ông trải qua nhiều đêm mất ngủ. - Linh hồn, - ông vừa thở dài vừa duỗi tay dưới đỉnh mùng và để chúng nặng nề rơi trở lại giường. - Linh hồn, cái linh hồn bất tử... - Dĩ nhiên, ông nhìn nhận, muốn tin ma quỷ thì người ta bắt buộc phải tin vào sự bất tử của linh hồn, điều đó hiển nhiên rồi, nhưng liệu ông có tin không đã? Ông luôn luôn tuyên bố rằng ông không tin thế thì bây giờ làm thế nào ông có thể nhìn nhận ngay cả một sự hoài nghi? Liệu ông có thể trở lại niềm tin xưa cũ của mình? Ông biết rằng người ta thường tự dối lòng, rằng người ta thường sợ không dám thăm dò thám hiểm chính bản ngã của mình, vì e khi khám phá thấy rằng họ thật khác hẳn với kẻ mà họ ao ước, hoặc khác hẳn với kẻ mà họ muốn được đời biết tới. Nhưng có bao nhiêu kẻ nghiêm trang suy tưởng về vấn đề linh hồn? Cuộc sống quá thu hút con người đến nỗi người ta gần như không có thì giờ để suy xét về những vấn đề đó; song chúng phải quan trọng hơn tất cả mọi vấn đề khác. Một người bạn chết - giống như một con thú bướng bỉnh - chúng ta khước từ nghĩ tới hẳn bên kia giây phút từ trần, hoàn toàn thỏa mãn với hoài niệm về quá

khứ, và chỉ hút một liều thuốc để đánh tan nỗi muộn phiền. Ngay cả khoa học, như điều đang xảy ra, cũng không đi quá hiện sinh con người, không biết tới cái chết và từ chối khảo sát nó. - Đừng lo âu về sự chết - khoa học nói - hãy gánh vác những phận sự hàng ngày, nghĩ tới cuộc sống hiện tại, tới nghề nghiệp của bạn. Hoàn toàn đúng. Vị luật sư cũng vậy, từ trước tới nay, cũng thoái thác bản khoán về cái chết, nhưng bây giờ nó đây; cái linh hồn bất tử - hay là ma - như chuyện đã xảy ra, đang gõ cửa ông, buộc ông phải bận tâm về chúng.

— Nhà người muốn lời bọn ta đi - dường như chúng nói với ông. - Nhà người muốn lời cái chết nhưng chúng ta đã tới đây, từ vương quốc của người chết trở về gõ cửa nhà của những kẻ đang còn sống, nhạo báng mi, làm bàn ghế nhảy nhót quanh phòng, làm thân chủ của mi kinh hãi, cười nhạo chúng từ đáy một tủ quần áo cũ, làm mi bối rối hôm nay - hồi tên luật sư trí thức - và mai một sẽ làm bối rối cả một cơ cấu gồm các quan tòa cũng trí thức không kém, nhưng kẻ sẽ phải xét xử một vụ tố tụng mới mẻ nhất chưa từng nghe thấy trong bất cứ một pháp đình nào, một vụ tố tụng đòi bồi thường thiệt hại mà bị cáo là những con ma! - Liệu ông ta còn có thể không biết tới chúng được không?

Nhảy ra khỏi giường, lòng đầy phấn khích, Zummo trở lại thư phòng và tìm những cuốn sách tham khảo của ông ta. Các điều 1575 và 1577 của bộ Dân Sự Tố Tụng dường như cung cấp một vài cơ sở lý lẽ cho vụ của ông.

Chúng thiết định - interalias - rằng người ta thuê một căn nhà được quyền có - sự hưởng dụng an lạc - bất động sản trong suốt thời gian kế ước và rằng - chủ cho thuê phải chịu trách nhiệm với người thuê nhà về bất cứ một sự phiền nhiễu không được tiết lộ nào có thể giảm thiểu hay cản trở cho sự hưởng dụng đầy đủ căn nhà cho mượn.

Luật pháp rất minh bạch, nhưng đây là then chốt của vụ kiện - cần phải chứng minh sự hiện hữu của ma quỷ và sự hiện diện của chúng trong ngôi nhà đó. Ông đã có những chứng từ và những nhân chứng để chứng

thực cho câu chuyện của các thân chủ của ông, nhưng những bằng chứng này đáng tin cậy tới mức nào?

Làm cách nào ông có thể trích dẫn các khoa học gia để củng cố những chứng từ kia? Sau khi đã tái thẩm vấn gia đình Piccirilli, luật sư hứa sẽ nhận lãnh vụ kiện và sửa soạn vụ tranh tụng với tất cả tài năng xảo diệu nhất của ông.

Trước hết ông đọc lịch sử đại cương I của chủ thuyết duy linh, từ những nguồn gốc của thần thoại tới hiện đại; kế đó ông tham khảo tác phẩm của Jaccoliot và những pháp thuật dị thường của các ẩn sĩ thác-bát-tăng (fakir); và rồi ông đọc tất cả những gì đã được viết về vấn đề bởi những chuyên gia lớn nhất và đáng tin cậy nhất, từ Crookes tới Wagnel, từ Aksafof tới Gibier và Zeller, từ Jaet tới Rochad, từ Richet tới Morselli. Do đó mà ông được biết - quá cả sự kinh ngạc của ông rằng ngay cả những con người hoài nghi nhất của khoa học cũng đã phải tuyên bố rằng cái gọi là những - hiện tượng tâm linh - không thể bị đặt vào vùng nghi hoặc được.

Ông phấn khởi tinh thần.

— Bây giờ - ông tự nhủ - sự việc bắt đầu có vẻ sáng sủa hơn nhiều. - Chừng nào mà những hiện tượng này còn bị báo cáo bởi những người tầm thường, như vợ chồng cái nhà Piccirilli thì ông, một người có học vấn sâu dầy và có căn bản khoa học thực nghiệm, có dư quyền để cười vào mặt chúng. Ngay cả nếu ông đã nhìn thấy những hiện tượng này bằng chính mắt của mình đi chăng nữa ông vẫn có thể tin rằng chúng chỉ là kết quả của một ảo giác nào đó. Nhưng đặng này khi những con người của khoa học như Lombroso hay Richet đã công nhận sự hiện hữu của chúng thì vấn đề lại hoàn toàn khác hẳn.



Quên cả thân chủ lẫn vụ kiện cáo, ông dấn đuổi miệt mài nghiên cứu thuyết duy linh với niềm xác tín chưa bao giờ lên đến cao độ như thế. Đã từ lâu rồi công việc đã qua của ông - mặc dầu vô cùng phát đạt và bổng lộc vô cùng hậu hĩ - đã thất bại không thể đem lại cho ông sự thỏa mãn tinh thần mà ông đã khát khao. Lạc lõng trong cái tình lý heo hút đó nơi tìm thấy quá ít điều để thỏa mãn nỗi khát vọng của ông về những thông lộ cao cả hơn của trí óc, giờ đây ông thấy rằng một khởi đầu mới đã được phát lộ cho ông bởi những cuốn sách luận về vấn đề lớn của đời sống sau-cái-chết. Có thể nào nhiên hậu cái vấn đề lớn về cái chết được giải quyết? Có thể nào linh hồn người chết trở lại trong chốc lát và - vật chất hóa - không? Có thể nào nó trở lại với ông, kẻ quá đui mù, bắt tay ông và nói: - Zummo, đừng lo âu. Đừng thắc mắc về cuộc sống nhỏ nhoi của anh trên trần gian. Còn có một cái gì khác nữa, một đời sống tốt đẹp hơn nhiều chờ anh một ngày kia! Bước tới! Đừng sợ hãi!

Hầu như mỗi ngày Piccirilli, hoặc cùng vợ hoặc cùng con gái, đều đặn tới thăm ông và thảo luận về vụ kiện.

— Ấy tôi vẫn sửa soạn cho vụ kiện đấy; đừng có lo, tôi không quên quý vị đâu, - Vị luật sư thường nói. Nhưng, thực tình mà nói, ông đã hoàn toàn quên khuấy tất cả mọi người, dời lại càng nhiều vụ càng tốt và ngay cả từ chối không chịu thăm vấn những thân chủ mới. Tuy nhiên, cuối cùng, vì lòng tri ân đối với gia đình Piccirilli tội nghiệp, những kẻ một cách vô thức đã chỉ cho ông con đường dẫn tới ánh sáng mà ông quyết định đi vào vụ tranh tụng của họ một cách cẩn trọng kỹ lưỡng.

Một nỗi khó khăn nghiêm trọng đón ông ngay từ bước đầu. Trong tất cả mọi cuộc thí nghiệm mà ông đã từng đọc, thì sự hiện diện của ma quỷ đều được phát hiện bởi một đồng cốt.

Vậy thì, không còn nghi ngờ nữa, chắc chắn một trong ba người nhà Piccirilli - cho dù không biết điều đó - phải là một người có cốt đồng và - trong trường hợp ấy - sự nhùng nhể của ma quái là do bởi những người thuê nhà chứ không phải tại ngôi nhà. Điều đó có nghĩa là sự sụp đổ của toàn thể vụ kiện. Mặt khác - nếu một người nhà Piccirilli là một cốt đồng - thì tại sao những con ma lại thôi không xuất hiện ở ngôi nhà mới? Tại sao chúng lại không bao giờ hiện ra trong bất cứ một ngôi nhà nào mà họ đã ở trước kia? Hiển nhiên phải có một cái gì trong niềm tin đại chúng, bình dân dân gian rằng ma quái chỉ ở trong những ngôi nhà nào đó, và nếu điều đó có thể chứng minh được thì vụ tranh tụng của ông có cơ đứng vững. Hơn nữa, chẳng phải là những nhân chứng đã chứng thực cho những lời khai của các thân chủ của ông sao? Chỉ nguyên điều đó thôi cũng đủ khước bác lời giải thích do một vài nhà khoa học đưa ra rằng ma quái chỉ được nhìn thấy bởi một số người nào đó. Đồng cốt hay không đồng cốt ông nghĩ - ma quái có sự hiện hữu riêng của chúng và để bội phần chắc chắn thì ông phải đích thân tới thăm gia đình Piccirilli và khám phá sự thực cho chính ông bằng cách tổ chức một buổi lên đồng và mình chờ coi kết quả thế nào.

Hoảng hồn vì sự dẫn dụ đó gia đình Piccirilli từ chối không dính dáng bất cứ về phương diện gì với cuộc thí nghiệm, nhưng luật sư nhấn mạnh rằng cuộc thử nghiệm rất hữu ích - cốt yếu nữa - cho vụ kiện và buổi lên đồng do đó được tổ chức. Ngay tức khắc Tinina được khám phá là một đồng cốt lẩm liệt và Zummo - sung sướng như điên - nhờ đó mà có thể chứng kiến được hầu hết mọi khả thị kinh nhiên, mà cho tới lúc đó ông mới chỉ làm quen qua sách vở của ông. Vụ Piccirilli quả thật - đổ gãy, nhưng sự hiểu biết của riêng ông về đời sống sau cái chết thì lại mở rộng tới một mức độ mà ông không thể không cảm thấy hân hoan điên dại. - Thì cứ để thằng cha Granella thắng vụ kiện của hã, các bạn ạ... Quan hệ gì chuyện đó? Các bạn chẳng thấy đó sao, là ở đây, trước mặt chúng ta, sừng sững thị hiện cái linh hồn bất tử của con người?

Nhưng làm thế nào mà gia đình Piccirilli lại có thể chia sẻ mối hoan hỉ hào hứng say mê đối với linh hồn bất tử của luật sư của họ được? Họ nghĩ

rằng ông ta đã hóa điên rồi. Họ từ chối tin rằng những cuộc thí nghiệm này là một cái gì khác mà chỉ là những âm mưu quỷ kế hiểm ác mà họ đã là nạn nhân. Họ đã đào thoát những con ma của gã Granella để rơi vào bẫy quỷ của luật sư của họ. Đúng là tránh vỏ dưa lại gặp vỏ dừa, còn có gì tệ hơn thế nữa không? Phải chăng ông ta sắp làm cho họ lụn bại mãi mãi? Đó có thể là kết quả của vụ tố tụng nếu người ta am tường điều gì đang xảy ra nơi họ.

— Đừng có sợ, - luật sư nói một cách khinh bỉ. - Bộ các người cho ta là một đứa con nít sao? Ở đây các người thấy ta như một người bạn, không phải như một luật sư. Khi vụ án tới hồi tòa nghe các nhân chứng khai, lúc đó tự nhiên ta sẽ biết phải biện giải sự quấy nhiễu bí ẩn trong ngôi nhà đó như thế nào chứ?

Và quả thực ông đã làm, biện hộ rằng sự quấy nhiễu khó chịu là do bởi căn nhà, không phải do bởi sự hiện diện của một vài đồng cốt khác thường nào ở đó cả, nhưng những lời biện hộ của ông thiếu tính cách thuyết phục đến nỗi vụ kiện của ông thua ngay từ keo đầu.

Ngược lại ông đã gây kinh ngạc cho cả tòa, các đồng nghiệp và công chúng với một bài phát biểu tín ngưỡng bất ngờ và khoa đại mô tả Allan Kardec như một "Đấng Cứu Thế Mới", nói về tâm linh thuyết như - Tôn giáo mới của nhân loại - và cho thấy cây nhân sinh đã thực sự bị khô héo bởi khoa học như thế nào nhưng ngày nay thì gần như đã được hồi sinh dưới tín ngưỡng ấm áp mới ra sao. - Huyền bí của cái chết - ông nói - chẳng bao lâu sẽ được phát lộ; những bức màn đen tối chẳng bao lâu sẽ được vén lên trong khi những cái bóng đen kỳ bí đã đang rón rén trườn qua không gian để cảnh cáo chúng ta về một thế giới bên kia...

Tới đây ông tiếp tục nói về những hiện tượng lạ lùng của tâm linh thuyết với một sự hùng biện bi tráng đến nỗi khán giả - bị lôi cuốn bởi những lời lẽ của ông - đều say đắm đê mê. Tuy nhiên, tòa - đầu óc thực tiễn hơn và ít có khuynh hướng đi theo luật sư lên những đỉnh cao siêu việt của ông - từ chối cho các thân chủ của ông một vô tội bình quyết. Khoa học hiện đại - họ nói - chưa công nhận những lý thuyết còn bấp bênh phát khởi

từ tâm linh thuyết. Và lại, làm thế nào chủ nhà lại có thể bị cột vào chỗ chịu trách nhiệm cho những con ma, cho những cái bóng lang thang vất vưởng không có một thực thể vật chất nào? Và làm thế nào những con ma có thể được gọi là những - sự nhũng nhều không được tiết lộ - minh định bởi luật pháp? Và chẳng, sự chế ngự ma quỷ chẳng phải là ở ngoài quyền năng thể chất của con người sao, và nếu thế, làm sao chủ nhà lại có thể bị buộc phải chịu trách nhiệm cho chúng? Không, tòa không thể tán đồng với sự biện hộ xuất sắc của luật sư được, và - phán quyết thuận cho nguyên cáo - là bình quyết duy nhất của họ.

Công chúng - hãy còn tinh kết bởi sự biện hộ lạ lùng và cuốn hút - đón nhận phán quyết của tòa với những dấu hiệu bất ưng không thể nhầm lẫn được. Riêng luật sư - vì không kìm hãm nổi cơn phần nộ ngập lụt suýt nữa khiến ông bị câu lưu đã lao ra khỏi phòng xử, kéo theo ba thân chủ tiu nghỉu của mình và chỉ cho đám đông đang hò reo thấy họ như những - kẻ tuấn đạo của một tôn giáo mới.

Ngang qua quảng trường, Signor Granella - chủ ngôi nhà - mập mạp và phách lối - đang đứng ngắm đám đông, hai tay thọc túi quần, nói to cho tất cả mọi người xung quanh hẳn nghe rõ rằng hẳn đâu có ngán ngủ đêm một mình trong ngôi nhà ma ám đó. Hẳn sẽ ngủ ở đấy ngay đêm đó một mình - hẳn tuyên bố - không một tên đầy tớ, vì bọn Piccirilli đã hủy hoại thanh danh của ngôi nhà đến nỗi ngay cả tên đầy tớ tín cẩn nhất của hẳn cũng không chịu tháp tùng hẳn. Phải, đó chính là cái mà bọn Piccirilli đã gây ra cho hẳn, hẳn nói. Nó sẽ trở thành một ngôi nhà hư mất, một ngôi nhà suy tàn. Nhưng giờ tòa đã đưa ra phán quyết và đã phục hồi lại thanh danh của ngôi nhà thì hẳn sẽ thân chinh tới đó và ngủ ở đó một mình, đâu có ngán đương đầu với những con ma lở bịch đó. Ha! Ha! Hẳn sẽ có đôi lời chỉ giáo chúng nếu có bao giờ chúng dám lấp ló ra...

Ngôi nhà của Granella được xây trên một điểm cao nhất của tỉnh lỵ ngay trên đỉnh đồi, không xa Phong Môn (Cổng Gió) bao nhiêu. Ngôi nhà đứng trơ trọi một mình, trên khoảng trống bao la chỉ đối diện một cái chái đồ nát nơi thỉnh thoảng mới có một phu xa trú đêm trong khi để mắt dòm chừng lừa ngựa và xe pháo của y. Chỉ có một ngọn đèn dầu ảm đạm cung cấp một ánh sáng lờ mờ trên quảng trường trong những đêm không trăng, nhưng chỉ ít khoảng cách phía dưới - phía bên kia cổng - cuộc sống lại tái diễn với những dãy nhà bất tận của những trú sở dân cư đông đúc đến nỗi - mặc dầu hơi cô tịch và âm u về đêm - đó là nơi trú ngụ lý tưởng với thừa thãi không khí và tự do, đây những tiện nghi khó kiếm thấy trong những khu dân cư khác ở cùng tỉnh.

Ngôi nhà đã hoàn toàn dán giấy và sơn lại từ ngày gia đình Piccirilli dọn đi. Granella đã xài phí không tiếc tiền để dọn dẹp nó từ nền tới nóc, nhưng mặc dầu đã có không biết bao nhiêu khách tới để xem xét ngôi nhà -

có lẽ vì tò mò mà chưa có tên nào đưa ra lấy một đề nghị và chưa kiếm được một kẻ thuê nhà nào.

— Được, - Granella lập lại với những người đang gần hần. - Tôi sẽ ngủ ở đó tối nay, - và, sau khi mang tới một cái ván lót giường bằng sắt, một cái tủ nhiều ngăn kéo, một cái giá rửa mặt và một vài cái ghế - đủ để trang trí cho một gian phòng hần đã giữ lời và đi bộ tới ngôi nhà vào lúc chạng vạng, cẩn thận để tâm tới việc cho hàng xóm láng giềng biết việc mình đang làm.

— Nhưng mang hai khẩu súng sáu chi vậy? - Hàng xóm phẩm bình khi ngắm hai khẩu súng tay cỡ lớn lủng lẳng đeo ở thắt lưng hần.

— Nếu ăn cướp có đe dọa ngôi nhà thì những khẩu súng kia có thể cũng hữu dụng đấy, nhưng súng ống mà ăn nhằm gì đối với ma cơ chứ?

Granella có sợ không? Dĩ nhiên là không; hần đã cười ngất và nhạo báng suốt cả phiên tòa thì bây giờ có lý do gì để mà sợ; thế nhưng cũng hơi hơi - một cảm giác kỳ dị - tại sao cái lão luật sư khả ố kia lại nói quá nhiều về ma và thuyết tâm linh?

Tại sao lão lại được phép nói về - chứng cứ - và về bảo đảm khoa học do đó mà lung lạc cử tọa và cho phép ngay những người khả kính phải nhìn nhận rằng, tựu trung, trong những điều lão nói, cũng có thể chứa đựng vài sự thực? Quả thực, chẳng phải là đã có một trong những vị quan tòa đã phải kín đáo công nhận riêng với Zummo ngay sau phiên tòa rằng bài diễn thuyết của lão đã làm tan nát định kiến của ông ta và chỉ vì tôn trọng tình trạng hiện hành của ngành lập pháp mà ông ta đã buộc lòng phải hòa đồng với những vị quan tòa khác đang bình quyết? Chính cái tên Zummo khoác lác kia - với bài diễn thuyết huênh hoang của lão - đã hớp hồn cả thành phố này và giờ đây đang khiến hần cảm thấy cô độc và bất mãn như thể bạn bè hần đã bỏ rơi hần, như những thằng hèn.

Không có lấy bóng dáng một ma dại nào trên mảnh đất bao la mà trên đó ngôi nhà trơ vơ đứng. Hời ôi, sao cảnh lại quá tiêu điều sâu thẳm thế này? Ngay cả đốm lửa li ti của ngọn đèn đường hiu hắt cũng chập chờn leo

lét và run rẩy tựa hồ hoảng kinh bởi cái bóng tối dày đặc trùng trùng của thung lũng vây quanh. Hẳn lét thân xác vào trong ngôi nhà... Sao ngọn lửa của cây đèn cầy lại bập bùng như ai đó đang thổi hắt lên nó thế này? (Đó là sự kích động của chính hẳn đã khiến hẳn thở hỗn hển qua lỗ mũi của mình.) Trong khi vượt qua mấy căn phòng trống để đi tới căn phòng mà hẳn đã trang bị, mắt hẳn dán chặt vào ngọn lửa mà hẳn đã khum tay che lại để tránh khỏi phải nhìn thấy cái bóng của chính thân xác hẳn, bị phóng lớn một cách quái dị trên tường. Cái giường, cái tủ kéo, chậu rửa mặt, mấy cái ghế, tất cả dường như chìm ngấm trong bóng tối của căn phòng. Hẳn đặt cây đèn cầy trên tủ kéo và không bước thêm nổi nữa. Tim hẳn đập thành thịch. Mồ hôi hẳn vã ra như tắm... Và bây giờ còn gì nữa đây?

Hẳn phải gài then cửa lại như hẳn vẫn làm ở nhà; nhưng trước khi làm việc ấy tại sao không cố hé cửa sổ ra một chút thôi và linh ra ngoài bao lơn?... Ở trong nhà nóng như hầm. Mùi sơn mới thật hôi nồng. Phải đấy, nên để một chút không khí mát mẻ lọt vào phòng trong khi làm giường. Hẳn mở tay nải mà hẳn mang tới lấy ra tấm khăn trải giường và đặt nó lên tấm nệm. Một tiếng gõ mạnh dường như phát ra từ phía cửa. Một cơn rùng mình chạy suốt qua sống lưng cắt xoẹt hẳn như một nhát dao cạo. Ai đó? Một cái núm sắt của cái giường hẳn đã va vào tường. Hẳn chờ đợi, hoảng kinh... im lặng. Tuy nhiên nổi im lặng có một cách nào đó, tựa hồ rất sống động...

Hẳn thu hết can đảm và nắm chặt một khẩu súng sáu. Tay kia giơ cao cây đèn cầy, hẳn đập tung cửa ra và quát: - Ai đó? - Không có ai cả. Im lặng. Thận trọng hẳn đẩy cửa rộng ra một chút nữa. Không có gì trong phòng cả ngoài cây thang do người thợ trang trí để lại. Không còn nghi ngờ gì nữa, cái tiếng gõ cửa vừa rồi là do cái núm sắt giường mà ra. Hẳn trở lại phòng mình và ra ngoài bao lơn.

— Xì...

Tổ cha cái con dơi đó. Nó đã bị hấp dẫn bởi ánh sáng của cây đèn cầy mà, và Granella bật cười, ngắm con vật nhỏ chồn vờn trong bóng tối, nhưng một tiếng kêu chát chúa khác bỗng nảy ra từ phòng ngủ khiến hẳn

lại nhảy nhồm lên. Lãng nhách, đó chỉ là giấy mới dán lên tường định trêu chọc hấn thôi. Hấn lại cười khẩy, nhưng khi chăm chú nhìn vào trong phòng thì một cái gì khủng khiếp quá bắt mắt hấn; một cái lưới trắng hầu khổng lồ tự le ra thè lè dọc theo sàn nhà từ phòng kế cận. Tổ mẹ cái cuộn giấy dán tường do bọn thợ bê bối bỏ lại trên đầu cầu thang bây giờ tự nó bung ra tuồn qua cửa như một cái lưới quý. Quá đủ với Granella. Hấn đóng sập cửa sổ và, với lấy mũ và đèn cầy, ba chân bốn cẳng phóng như bay xuống cầu thang.

Không có một mống nào lảng vảng bên ngoài. Hấn cẩn thận rút lui và, sau khi lướt êm dọc theo tường nhà, nhanh như cắt hấn lẩn vào bóng tối chuồn về tỉnh.

Một đêm ở ngoài trời sẽ tốt cho hăn, hăn nghĩ. Sau rốt, tội gì mà liều sức khỏe của mình vì cái ngôi nhà khốn nạn ấy? Hăn thật là tối ngu. Tới ngôi nhà ấy vào lúc đêm hôm đó mà không làm quen với nó trước thì thực là một lỗi lầm. Để đêm mai hăn sẽ thử lần nữa coi... Nhưng có kẻ đã dòm thấy hăn trong cuộc tháo chạy khỏi ngôi nhà. Một người phu trú ẩn trong cái chái đổ nát, đã nhìn thấy hăn rón rén trườn mình dọc theo mé tường, đã kể với xóm giềng, những người này đến lượt họ lại thông báo với luật sư.

Zummo mừng quýnh.

— Ta đã biết mà! Ta đã biết mà! - Ông ta la lên, mừng như điên. - Ta thề là đã tiên đoán tất cả những điều đó. Ta đã biết là sớm muộn gì thì chính chứng cứ của Granella sẽ thuận lợi cho chúng ta. Nào chúng ta hãy cùng nhau làm việc và đừng để uống phí thì giờ.

Cái bẫy đã được giương ra ngay cùng đêm đó. Vị luật sư cùng năm sáu người thân tín - không nhiều hơn - sẽ thâm thập bằng chứng mà họ cần phải có. Để tất cả ẩn trong chái và canh chừng. Trên hết là không được hở môi nói một câu với bất cứ ai, lạy Chúa tôi.

— Thề đi.

— Chúng tôi xin thề.

Không có cuộc chiến thắng nghề nghiệp nào trong sự nghiệp của Zummo lại có thể lớn lao hơn là cuộc chiến thắng đêm đó, khi sau một hồi lâu rình rập cùng bạn bè - ông ta thấy Granella, chân đi đất, run rẩy và kinh hoàng một tay nắm giày tay kia xách cặp quần mà hăn không có thì giờ để cài nút. Hăn lén lút lủi ra khỏi ngôi nhà như một thằng ăn trộm, định trốn. Từ bóng tối lao vọt ra, Zummo chồm lên hăn như một con cọp vồ mồi.

— Chào Signor Granella. Đi dạo mát ban đêm, hả?

Tất cả diễn ra trong chớp mắt: năm sáu người đàn ông vây quanh gã Granella đáng thương, cười cười, nói nói và vừa chế nhạo, vừa đẩy hẳn tới sát tường.

— Nào, đồ khùng, giờ thì đã tin có linh hồn bất tử hay chưa? Công lý mù quáng đã cho anh thắng kiện, nhưng ai đúng? Nói đi, nói đi, anh đã nhìn thấy gì?... Kìa, nói đi chứ... anh đã nhìn thấy gì?

Tất cả vô ích thôi, bởi tên Granella tội nghiệp kia, vừa khóc vừa run như giẻ, thì còn đối đáp làm sao được. Rõ ràng hẳn đã lạc mất cả tiếng rồi.

-----The end -----